

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST

Ngày 24-4-2023

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Cầm Ngọc Thương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Đức Toàn và bà Nguyễn Thị Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thảo A Chông là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa
: Ông Mùa A Hay - Kiểm sát V.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2022/TLST- HNGĐ, ngày 19 tháng 12 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị V; Nơi cư trú: Bản M, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt có lý do.

- *Bị đơn:* Anh Lò Văn L; Nơi cư trú: Bản M, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/12/2022, bản tự khai nguyên đơn là chị Hà Thị V trình bày: Chị và anh Lò Văn L tìm hiểu và đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Đến nay, chị Hà Thị V nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn Tòa án giải quyết cho chị V và anh L được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị V và anh L có 02 con chung là cháu Lò Văn T, sinh năm 1998 và cháu Lò Thị T1, sinh năm 2001, hiện tại các cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do điều kiện hoàn cảnh đi làm ăn xa, đường xá đi lại khó khăn, chị Hà Thị V không thể về để giải quyết việc ly hôn, do đó chị Hà Thị V có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai bị đơn là anh Lò Văn L trình bày: Anh L và chị Hà Thị V tìm hiểu nhau và tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì đến ngày 11/02/2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do anh L thường xuyên đi làm xa, chị Hà Thị V ở nhà có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, từ đó cuộc sống chung của hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh L và chị V sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị V và anh L có 02 con chung là cháu Lò Văn T, sinh năm 1998 và cháu Lò Thị T1, sinh năm 2001, hiện tại các cháu đã trưởng thành và đã lập gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Về vay nợ chung: Vợ chồng không vay nợ của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án.

Do chị Hà Thị V có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ và đề nghị không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, T cận, công khai chứng cứ, anh Lò Văn L tham gia phiên họp nhưng không ký biên bản, Tòa án không tiến hành hòa giải được do một bên đương sự không yêu cầu hòa giải.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị V và anh Lò Văn L; về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nguyên đơn – chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn” do nguyên đơn chị Hà Thị V khởi kiện đối với bị đơn anh Lò

Văn L có nơi cư trú Bản M, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Hà Thị V và bị đơn – anh Lò Văn L đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng nguyên đơn vắng mặt do điều kiện, hoàn cảnh đi làm ăn xa, việc đi lại khó khăn có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt. Chị Hà Thị V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lò Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không tham gia phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt chị Hà Thị V, anh Lò Văn L theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị V và anh Lò Văn L cho rằng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Tuy nhiên, qua xác minh tại chính quyền địa phương, trong sổ đăng ký kết hôn và tài liệu lưu trữ không có tài liệu nào xác định chị Hà Thị V và anh Lò Văn L đã thực hiện đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Việc chị Hà Thị V và anh Lò Văn L chung sống với nhau không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Trong thời gian chung sống, chị V, anh L sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể hòa hợp, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã; hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Khi phát sinh mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nhận thấy, từ năm 2017 đến chị V và anh L không còn chung sống với nhau, trong thời gian sống ly thân không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, bản thân chị V và anh L cũng xác định không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn và quay lại đoàn tụ với nhau. Nay chị Hà Thị V đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị Hà Thị V và anh Lò Văn L, Tòa cần xem xét tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống, chị Hà Thị V và anh Lò Văn L có 02 con chung là cháu Lò Văn T, sinh năm 1998 và cháu Lò Thị Thu, sinh năm 2001, hiện tại các cháu đã trưởng thành và đã lập gia đình nên chị V và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết về phần con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về con chung trong vụ án.

[5] Về tài sản chung: Chị Hà Thị V và anh Lò Văn L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung trong vụ án.

[6] Về vay nợ chung: Chị Hà Thị V và anh Lò Văn L không yêu cầu giải quyết về nợ chung trong vụ án, Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị V không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hà Thị V và anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết trong vụ án.

4. Về án phí: Chị Hà Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị V đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001400 ngày 09/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cầm Ngọc Thương